

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN HẢI
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/KDTM-ST
Ngày 04 tháng 10 năm 2019.
V/việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Mã Siêu.
2. Bà Trần Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T1 tham gia phiên tòa: Bà Bà Đỗ Thị Luyên - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2019/TLST- KDTM ngày 26 tháng 6 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXX-ST ngày 26/8/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐST-KDTM ngày 18/9/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C.

Địa chỉ: Số xyz, THĐ, quận H1, Thành phố H2.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T, Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP C.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Phạm Minh T1, Phó trưởng phòng tổng hợp Ngân hàng TMCP C, chi nhánh Thái Bình (*có mặt*).

- Bị đơn: Ông Bùi Văn Ch, sinh năm: 1964.

Và bà Đào Thị M, sinh năm: 1965.

Đều có địa chỉ tại: Thôn AQ, xã NT, huyện T1, Thái Bình.

(ông Ch, bà M vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Ông Bùi Văn Ch và bà Đào Thị M có vay tiền của Ngân hàng TMCP C - Chi

nhánh Thái Bình -Phòng giao dịch T1 theo Hợp đồng cho vay từng lần số 0703/HĐCVTL/NHCT360 ngày 12/7/2017. Số tiền cho vay: 300.000.000 đồng. Số tiền giải ngân: 300.000.000 đồng. Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày Bên cho vay (Ngân hàng) giải ngân khoản nợ đầu tiên. Ngày giải ngân đầu tiên: 12/7/2017. Thời gian trả nợ cuối cùng: 12/7/2018. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động nuôi ngao thịt. Lãi suất cho vay được điều chỉnh mỗi tháng 01 lần, lãi suất tại thời điểm vay là 9,5%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất chậm trả 0%. Ngân hàng luôn giám sát, đôn đốc ông Bùi Văn Ch và bà Đào Thị M trả nợ đúng cam kết, tính đến hết tháng 6/2019 ông Ch và bà M đã trả cho Ngân hàng được tổng số 19.000.000 đồng tiền gốc và 16.598.630 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 04/10/2019, ông Ch và bà M còn nợ Ngân hàng số tiền là 340.241.740 đồng (Ba trăm bốn mươi triệu hai trăm bốn mươi một nghìn bảy trăm bốn mươi đồng) trong đó nợ gốc là 281.000.000 đồng, lãi trong hạn là 8.120.548 đồng và lãi quá hạn là 51.121.192 đồng.

Để đảm bảo khoản vay, ông Ch và bà M có thể chấp cho Ngân hàng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 1717/HĐTC ngày 12/7/2017, cụ thể: Quyền sử dụng đất diện tích 545m² (trong đó đất ở nông thôn 280m²+ đất trồng cây lâu năm 265m²) và tài sản gắn liền với đất là nhà ở cấp 4 diện tích sàn khoảng 100m² trên diện tích đất ở 280m² tại thửa đất số xyz, tờ bản đồ số x; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AKxyz, số vào sổ Hxyzdo UBND huyện T1 cấp ngày 14/11/2008; có địa chỉ: thôn AQ, xã NT, huyện T1, tỉnh Thái Bình; chủ sở hữu tài sản là ông Bùi Văn Ch và bà Đào Thị M. Hồ sơ tài sản bảo đảm đầy đủ tính pháp lý, Hợp đồng thế chấp đã được công chứng, tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Về phía bị đơn: Tại phiên công khai chứng cứ và hòa giải lần 1 ngày 12/7/2019, ông Bùi Văn Ch có nêu vợ chồng ông có quan hệ vay vốn với Ngân hàng TMCP C từ năm 2010. Mục đích vay là để nuôi ngao. Đến năm 2017 ông có ký lại hợp đồng vay vốn với Ngân hàng TMCP C số tiền là 300.000.000 đồng. (Ba trăm triệu đồng). Trong quá trình vay thì ông thực hiện trả nợ và lãi đầy đủ và đúng hạn cho ngân hàng. Tuy nhiên do làm ăn bãi ngao không thuận lợi bị thiên tai, vợ chồng ông lại bị đau ốm nên điều kiện gia đình khó khăn nên ông đóng lãi và nợ chậm cho ngân hàng 02 quý năm 2018. Đến cuối tháng 6 năm 2019 ông có tiếp tục trả cho ngân hàng số tiền 5.000.000 đồng. Ông đề nghị Ngân hàng xem xét đến hoàn cảnh gia đình, do thiên tai ảnh hưởng đến việc nuôi ngao và vợ chồng ông đau ốm nên mới chậm trả lãi cho Ngân hàng 02 quý năm 2018. Ông muốn được xin phần lãi và trả dần nợ gốc. Do điều kiện khó khăn nên gia đình ông đề xuất mỗi quý trả cho ngân hàng 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng). Phía Ngân hàng không chấp nhận phương án mà bị đơn đưa ra. Tại phiên hòa giải lần 2 ngày 24/7/2019 nguyên đơn và bị đơn thống nhất trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày 24/7/2019 đến hạn cuối ngày 24/8/2019, bị đơn thanh toán toàn bộ số nợ gốc 281.000.000 đồng cho ngân hàng thì ngân hàng miễn toàn bộ lãi quá hạn và giảm 50% lãi trong hạn tính đến ngày bị đơn trả nợ; đồng thời bị đơn phải cung cấp hồ sơ liên quan đến khó khăn của gia đình (đơn đề nghị miễn giảm lãi có xác nhận địa phương, hồ sơ bệnh án và giấy tờ khác nếu có). Tuy nhiên, hết thời hạn trên, bị đơn không thanh toán được cho nguyên đơn, vì vậy nguyên đơn đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án, đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, ông Ch và bà M vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của người tham gia tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Bùi Văn Ch và bà Đào Thị M có vay tiền của Ngân hàng TMCP C theo Hợp đồng cho vay từng lần số 0703/HĐCVTL/NHCT360 ngày 12/7/2017. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động nuôi ngao thịt. Ông Ch và bà M đều có địa chỉ tại thôn AQ, xã NT, huyện T1, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện T1 thụ lý giải quyết vụ kiện về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:

Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP C được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép thành lập Ngân hàng. Lĩnh vực hoạt động có hoạt động tín dụng là cho vay. Bị đơn trong vụ án là ông Bùi Văn Ch và bà Đào Thị M nuôi ngao kinh doanh. Hợp đồng cho vay từng lần số 0703/HĐCVTL/NHCT360 ngày 12/7/2017 giữa Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Thái Bình - Phòng giao dịch T1 và ông Bùi Văn Ch và bà Đào Thị M ký kết đều nhằm mục đích lợi nhuận, vì vậy Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP C và ông Bùi Văn Ch và bà Đào Thị M là tranh chấp kinh doanh thương mại theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Thời hiệu khởi kiện: Theo Hợp đồng cho vay từng lần số 0703/HĐCVTL/NHCT360 ngày 12/7/2017 giữa Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Thái Bình - Phòng giao dịch T1 và ông Bùi Văn Ch và bà Đào Thị M ký kết thì chậm nhất là ngày 12/7/2018, bên vay phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi, đến thời hạn trên, ông Ch, bà M không thanh toán được toàn bộ gốc và lãi cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc và có các biên bản làm việc với khách hàng, tại biên bản làm việc ngày 15/5/2019 giữa Ngân hàng và ông Ch, ông Ch tiếp tục đề nghị Ngân hàng cho khách hàng trả nợ dần. Do phía Ngân hàng không đồng ý, quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng bị xâm phạm. Ngân hàng TMCP C khởi kiện trong thời hiệu theo quy định tại Điều 319 Luật thương mại.

[4] Sau khi thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP C, Tòa án nhân dân huyện T1 đã ra Thông báo thụ lý; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Bùi Văn Ch và bà Đào Thị M; ông Ch đã đến Tòa án và thể hiện quan điểm của mình. Tại phiên tòa, ông Ch và bà M vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[5] Về nội dung:

[5.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, đủ căn cứ kết luận: Giữa Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Thái Bình - Phòng giao dịch T1 và ông Bùi Văn Ch và bà Đào Thị M có ký kết Hợp đồng cho vay từng lần số 0703/HĐCVTL/NHCT360 ngày 12/7/2017. Số tiền cho vay: 300.000.000 đồng. Số tiền giải ngân: 300.000.000 đồng. Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày Bên cho vay (Ngân hàng) giải ngân khoản nợ

đầu tiên. Ngày giải ngân đầu tiên: 12/7/2017. Thời gian trả nợ cuối cùng: 12/7/2018. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động nuôi ngao thịt. Lãi suất cho vay được điều chỉnh mỗi tháng 01 lần, lãi suất tại thời điểm vay là 9,5%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất chậm trả 0%. Ngân hàng luôn giám sát, đôn đốc ông Bùi Văn Ch và bà Đào Thị M trả nợ đúng cam kết, tính đến hết tháng 6/2019 ông Ch và bà M đã trả cho Ngân hàng được tổng số 19.000.000 đồng tiền gốc và 16.598.630 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 04/10/2019, ông Ch và bà M còn nợ Ngân hàng số tiền là 340.241.740 đồng (Ba trăm bốn mươi triệu hai trăm bốn mươi một nghìn bảy trăm bốn mươi đồng) trong đó nợ gốc là 281.000.000 đồng, lãi trong hạn là 8.120.548 đồng và lãi quá hạn là 51.121.192 đồng.

[5.2] Về yêu cầu trả tiền nợ gốc và tiền lãi: Việc đến hạn trả nợ gốc và lãi ông Ch và bà M không thực hiện đầy đủ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở nên được chấp nhận: Buộc ông Bùi Văn Ch và bà Đào Thị M phải trả nợ gốc đối với khoản vay của Hợp đồng cho vay từng lần số 0703/HĐCVTL/NHCT360 ngày 12/7/2017 với số tiền là 281.000.000 đồng.

Về lãi suất: Ngân hàng TMCP C yêu cầu ông Ch và bà M phải trả lãi và lãi suất quá hạn theo quy định của pháp luật từ ngày 12/7/2018 với mức lãi suất 9,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Xét mức lãi suất Ngân hàng TMCP C yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Ông Ch và bà M phải trả tiền lãi và lãi quá hạn cho Ngân hàng TMCP C từ ngày 12/7/2018 đến ngày 04/10/2019 là 59.241.740 đồng, trong đó lãi trong hạn là 8.120.548 đồng và lãi quá hạn là 51.121.192 đồng.

5.3] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, ông Ch và bà M có thể chấp cho Ngân hàng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 1717/HĐTC ngày 12/7/2017, cụ thể: Quyền sử dụng đất diện tích 545m² (trong đó đất ở nông thôn 280m²+ đất trồng cây lâu năm 265m²) và tài sản gắn liền với đất là nhà ở cấp 4 diện tích sàn khoảng 100m² trên diện tích đất ở 280m² tại thửa đất số xyz, tờ bản đồ số x; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AKxyz, sổ vào sổ Hxyz do UBND huyện T1 cấp ngày 14/11/2008; có địa chỉ: thôn AQ, xã NT, huyện T1, tỉnh Thái Bình; chủ sở hữu tài sản là ông Bùi Văn Ch và bà Đào Thị M; hồ sơ tài sản bảo đảm đầy đủ tính pháp lý, Hợp đồng thế chấp đã được công chứng, tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Vì vậy, tài sản trên phải được dùng để đảm bảo số nợ trên. Trong trường hợp ông Bùi Văn Ch và bà Đào Thị M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP C được quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ. Tại biên bản thẩm định tại chỗ ngày 22/7/2019 xác định phía tây của thửa đất thế chấp có xây dựng thêm 01 nhà mái bằng 01 tầng khoảng 30 m2 được sử dụng làm cửa hàng sửa xe.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Theo quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự, ông Ch và bà M phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Số tiền này Ngân hàng đã nộp tạm ứng. Ông Ch và bà M có trách nhiệm hoàn trả số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho Ngân hàng TMCP C.

[7] Về án phí: Yêu cầu của Ngân hàng TMCP C được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Ông Ch và bà M là thân nhân liệt sỹ, trực tiếp thờ cúng liệt sỹ Bùi Đức Ch1 (anh trai ông Ch) hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước nên được miễn nộp án phí.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 điều 30; điểm b khoản 1 điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 306; Điều 319 Luật thương mại. Điều 323, 357, 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng. Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C. Buộc ông Bùi Văn Ch và bà Đào Thị M phải trả cho Ngân hàng TMCP C tổng số tiền nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 04/10/2019 là 340.241.740 đồng (Ba trăm bốn mươi triệu hai trăm bốn mươi một nghìn bảy trăm bốn mươi đồng) trong đó nợ gốc là 281.000.000 đồng, lãi trong hạn là 8.120.548 đồng và lãi quá hạn là 51.121.192 đồng.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu ông Bùi Văn Ch và bà Đào Thị M không trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp của ông Bùi Văn Ch và bà Đào Thị M theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 1717/HĐTC ngày 12/7/2017 để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 545m² (trong đó đất ở nông thôn 280m²+ đất trồng cây lâu năm 265m²) và tài sản gắn liền với đất là nhà ở cấp 4 diện tích sàn khoảng 100m² trên diện tích đất ở 280m² tại thửa đất số xyz, tờ bản đồ số x; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AKxyz, sổ vào sổ Hxyzdo UBND huyện T1 cấp ngày 14/11/2008; có địa chỉ: thôn AQ, xã NT, huyện T1, tỉnh Thái Bình; chủ sở hữu tài sản là ông Bùi Văn Ch và bà Đào Thị M; phía tây của thửa đất thế chấp hiện nay có xây dựng thêm 01 nhà mái bằng 01 tầng khoảng 30 m2 được sử dụng làm cửa hàng sửa xe.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Bùi Văn Ch và bà Đào Thị M có trách nhiệm hoàn trả số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho Ngân hàng TMCP C.

4. Về án phí: Ông Bùi Văn Ch và bà Đào Thị M được miễn nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0009125 ngày 20/6/2019 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện T1, tỉnh Thái Bình.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Bùi Văn Ch và bà Đào Thị M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo lãi suất quy định tại điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có

quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T1
- Các đương sự
- TAND tỉnh Thái Bình
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đồng Ngọc Huyền